

Số: 01/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu xác định con cho cha

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH TUYỀN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đình Nhất – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu xác định con cho cha theo định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang; căn cước công dân số 002092001320, do Cục Cảnh sát Quản lý chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 16/4/2021; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020197007333, do Cục Cảnh sát Quản hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 12/9/2024; vắng mặt.

+ Anh Ma Văn X, sinh năm 12/10/1990; nơi cư trú: Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020090008839, do Cục Cảnh sát Quản hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 23/8/2022; vắng mặt.

+ Người đại diện theo pháp luật của hai cháu có tên dự kiến Hoàng Thị Q, Hoàng Thị H là chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997; nơi cư trú: : Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn (là mẹ đẻ), vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, tự khai và tài liệu kèm theo đơn, anh Hoàng Văn T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn S, xã X, tỉnh Lạng Sơn đi làm ăn ở tỉnh Cao Bằng có quen biết và yêu thương nhau, tháng 12/2019 (âm lịch) anh T và chị D về chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang, nhưng do thời gian cuối năm 2019 đầu năm 2020 dịch bệnh Covid 19 bùng phát nên chưa tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, chưa tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh T và chị D có với nhau 02 con chung, con thứ nhất theo Giấy chứng sinh số 34 quyển 1 do Bệnh viện Đa khoa huyện Q cấp ngày 15/01/2021 dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và con thứ hai theo Giấy chứng sinh số 200 quyển 1 do Bệnh viện Đa khoa huyện Q cấp ngày 12/11/2024 dự kiến đặt tên Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022; hiện nay hai con đang ở với anh T và ông bà nội ở thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang; sau khi sinh con thứ hai là Hoàng Thị H được 5 tháng thì chị D bỏ đi, kể từ đó đến nay anh T không liên lạc được với chị D để trao đổi nội dung công việc về đăng ký kết hôn, tổ chức đám cưới và làm giấy khai sinh cho con. Cho đến hiện nay hai con của anh T vẫn chưa có giấy khai sinh để đi học; vì vậy anh T đề nghị Tòa án xác định hai cháu dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022 là con của T. Anh T cung cấp kết quả phân tích ADN kết luận giữa anh T và cháu Hoàng Thị Q, Hoàng Thị H có quan hệ là cha - con.

Tại biên ghi lời khai ngày 27/3/2026, chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị D kết hôn với anh Ma Văn X từ năm 2015, có tổ chức đăng ký kết hôn tại xã X, tỉnh Lạng Sơn, quá trình chung sống chị D và anh X phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2019. Trong thời gian chị D sống ly thân với anh X, chị D có chung sống như vợ chồng với anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2019 cho đến năm 2022 và có 02 người con chung với anh Hoàng Văn T; con thứ nhất dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và con thứ hai dự kiến đặt tên Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022. Chị D khẳng định hai cháu Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022 là con của anh T và đề nghị Tòa án giải quyết xác định cháu Hoàng Thị Q và cháu Hoàng Thị H là con của anh Hoàng Văn T.

Tại biên ghi lời khai ngày 25/3/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ma Văn X trình bày: Anh Ma Văn X và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau từ năm 2019, quá trình chung sống giữa anh X và chị D phát sinh mâu thuẫn nên sau khi sinh con thứ hai được 03 tháng thì chị D bỏ nhà đi, anh X không liên lạc được với chị D, anh X và chị D đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình chung sống anh X và chị D chỉ có 02 con chung tên là Ma Thị Thu N, sinh ngày 16/10/2018 và Ma Thu H1, sinh ngày 23/6/2019. Anh X khẳng định hai cháu dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022 không phải là con chung của anh X với chị D.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết việc dân sự. Anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị D, anh Ma Văn X đã thực hiện đúng quy định của pháp tụng dân sự.

Căn cứ các 89, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và đình; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, các 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T: Xác định anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992 là cha đẻ của 02 con gái dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022.

Về lệ phí: Anh Hoàng Văn T được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Hoàng Văn T hiện đang cư trú tại thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang có đơn yêu cầu xác định con cho cha. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 theo quy định tại khoản 10 Điều 29, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị D, anh Ma Văn X có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt họ nên Tòa án tiến hành phiên họp theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Cả anh T, chị D đều khẳng định 02 con gái dự định đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022 do chị Nguyễn Thị Dương S ra trong thời kỳ chị D và anh T chung sống với nhau, là con chung giữa anh T và chị D. Cả anh X và chị D khẳng định không phải con chung của chị D và anh X.

[4] Căn cứ vào lời khai của anh Ma Văn X và chị Nguyễn Thị D thì giữa chị Nguyễn Thị D và anh Ma Văn X chỉ có 02 con chung tên là Ma Thị Thu N, sinh ngày 16/10/2018 và Ma Thu H1, sinh ngày 23/6/2019.

[5] Kết quả phân tích ADN ngày 20/11/2025 của Công ty P kết luận: Hoàng Văn T có quan hệ huyết thống CHA - CON với người có tên dự kiến Hoàng Thị Q và Hoàng Thị H.

[6] Do đó, có đủ cơ sở pháp lý để xác định giữa anh Hoàng Văn T và 02 con gái do chị Nguyễn Thị Dương S ra, con thứ nhất theo Giấy chứng sinh số 34 quyển 1 do Bệnh viện Đa khoa huyện Q cấp ngày 15/01/2021 dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và con thứ hai theo Giấy chứng sinh số 200 quyển 1 do Bệnh viện Đa khoa huyện Q cấp ngày 12/11/2024 dự kiến đặt tên

Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022, có quan hệ là cha - con. Yêu cầu của anh T về việc xác định con cho cha cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các 89, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[7] Anh Hoàng Văn T được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm b, đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 89, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 10 Điều 29, điểm t khoản 2 Điều 39, các 367, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T về việc xác định con cho cha.

Xác định anh Hoàng Văn T là cha của 02 con gái do chị Nguyễn Thị Dương S ra, con thứ nhất theo Giấy chứng sinh số 34 quyển 1 do Bệnh viện Đa khoa huyện Q cấp ngày 15/01/2021 dự kiến đặt tên là Hoàng Thị Q, sinh ngày 13/01/2021 và con thứ hai theo Giấy chứng sinh số 200 quyển 1 do Bệnh viện Đa khoa huyện Q cấp ngày 12/11/2024 dự kiến đặt tên Hoàng Thị H, sinh ngày 29/03/2022.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Hoàng Văn T được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị D, anh Ma Văn X vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Trính, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hải Phương